

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Điều kiện bồi thường:

a) Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

b) Trên địa bàn cấp xã triển khai công trình, dự án có quỹ đất ở, quỹ đất nông nghiệp, quỹ nhà ở hoặc có quỹ đất ở, quỹ đất nông nghiệp, quỹ nhà ở khác ngoài địa bàn cấp xã để phục vụ giải phóng mặt bằng công trình, dự án tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Người có đất thu hồi đáp ứng tỷ lệ quy đổi quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tỷ lệ quy đổi:

a) Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc trong cùng thửa đất ở; thu hồi đất ở và đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc trong cùng thửa đất ở đủ điều kiện bồi thường thì thực hiện bồi thường như sau:

- Diện tích thu hồi bằng 1,5 (một phẩy năm) lần và đến nhỏ hơn 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì được bồi thường 01 thửa đất ở hoặc 01 căn nhà ở;

- Diện tích thu hồi từ 02 (hai) đến nhỏ hơn 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì được bồi thường 02 thửa đất ở hoặc 02 căn nhà ở;

- Diện tích thu hồi từ 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương trở lên thì được bồi thường 03 thửa đất ở hoặc 03 căn nhà ở.

b) Khi thực hiện bồi thường theo điểm a Khoản này thì không thực hiện hỗ trợ theo khoản 6 Điều 8 Quy định này.

c) Đối với đất nông nghiệp không thuộc điểm a khoản này bao gồm đất trồng cây hằng năm trừ đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất thì người có đất thu hồi được bồi thường bằng 01 thửa đất ở hoặc 01 căn nhà ở và diện tích đất thu hồi để bồi thường được xác định như sau:

- Từ 500 m² trở lên mà thửa đất này đã được Nhà nước thu hồi một phần diện tích để thực hiện các công trình, dự án trước đây và tổng diện tích các lần thu hồi trước đây của thửa đất này từ 1.000 m² trở lên;

- Trường hợp thu hồi các thửa đất có diện tích từ 1.000 m² trở lên để thực hiện công trình, dự án.

d) Trường hợp đất phi nông nghiệp không phải đất ở thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất có diện tích từ 1,5 (một phẩy năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương trở lên thì người có đất thu hồi được bồi thường bằng 01 (một) thửa đất ở hoặc 01 (một) căn nhà ở.

3. Diện tích đất ở, diện tích nhà ở để bồi thường theo khoản 2 Điều này là diện tích nhà ở của quỹ nhà ở phục vụ giải phóng mặt bằng công trình, dự án; diện tích đất ở là diện tích của thửa đất thuộc quỹ đất bố trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng công trình, dự án nhưng diện tích giao đất của mỗi thửa đất không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.”

Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4

“Điều 4a. Quy định việc tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi theo điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Các trường hợp được bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi chỉ được thực hiện khi tại địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi không còn quỹ đất ở, nhà ở hoặc quỹ đất, nhà ở hiện có không đủ để bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định đối tượng, nhu cầu bố trí tái định cư; thống nhất quỹ đất bố trí tái định cư với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bố trí tái định cư bằng biên bản.

Trên cơ sở phương án bố trí tái định cư đã được thống nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định. Đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố trí tái định cư để phối hợp thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bố trí tái định cư căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, hồ sơ do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cung cấp để thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người gốc Việt Nam định cư tại nước ngoài, tổ chức đủ điều kiện bố trí tái định cư, giao đất thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư lập thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trình Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết theo quy định.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15

1. Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước (có xác nhận của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về chính sách xã hội cấp xã) phải di chuyển chỗ ở do thu hồi đất, được hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình có: Người hoạt động Cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sĩ được hỗ trợ: 8.000.000 đồng;

b) Hộ gia đình có: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 60%, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80 %; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 51% đến 80%; được hỗ trợ: 6.500.000 đồng;

c) Hộ gia đình có: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 40 %; bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% - 60%; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% - 50%; Người có công giúp đỡ cách mạng được hỗ trợ: 5.000.000 đồng;

d) Hộ gia đình có: Thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần; Thân nhân của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 từ trần; Thân nhân của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên; Thân nhân của bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ trần; Con đẻ còn sống của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên; Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình; Người phục vụ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ tổn

thương cơ thể từ 81% trở lên ở gia đình; Người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên sống ở gia đình được hỗ trợ: 3.500.000 đồng;

đ) Hộ gia đình có người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội khác và hộ gia đình có giấy chứng nhận hộ cận nghèo, hộ nghèo được hỗ trợ: 2.500.000 đồng.

e) Trường hợp một hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ nêu tại khoản này mà có nhiều tiêu chuẩn được hỗ trợ thì chỉ được xét hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

2. Hỗ trợ tài sản (gồm nhà, công trình, vật kiến trúc) không đủ điều kiện bồi thường:

a) Tài sản không được bồi thường nhưng tại thời điểm tạo lập chưa công bố quy hoạch tỷ lệ 1/2000 (trường hợp không có quy hoạch tỷ lệ 1/2000 thì xác định theo quy hoạch 1/500) và chưa có kế hoạch sử dụng đất hằng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo Quy định hiện hành, ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.

b) Tài sản không đủ điều kiện được bồi thường và không đủ điều kiện hỗ trợ theo điểm a khoản này nhưng tạo lập trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường theo Quy định hiện hành; ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.

c) Tài sản không đủ điều kiện được bồi thường và không đủ điều kiện hỗ trợ theo điểm a và b khoản này nhưng tạo lập từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024 thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo Quy định hiện hành; ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.

3. Khi nhà nước thu hồi hết đất ở hoặc một phần diện tích đất ở, đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất mà người tạo lập thừa đất thu hồi đã chết, thừa đất chưa phân chia thừa kế thì những người đồng thừa kế được hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản theo quy định của pháp luật như những trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi.

4. Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc có nguồn gốc trong cùng thửa đất ở khi Nhà nước thu hồi đất nếu đủ điều kiện bồi thường thì ngoài việc được bồi thường còn được hỗ trợ; mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất thu hồi theo Bảng giá đất ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án nhân với hệ số điều chỉnh giá đất. Khi thực hiện hỗ trợ theo khoản này thì không hỗ trợ theo Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 20, Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP (đã

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, 5 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP) và Điều 9, Điều 15, khoản 1 Điều 16 Quy định này.

5. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân có nhà ở bị giải tỏa (bao gồm trường hợp người tạo lập nhà ở đã chết, tài sản chưa phân chia di sản thừa kế), phải di chuyển chỗ ở, không có chỗ ở nào khác trong cùng địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi, đất thu hồi được bồi thường cho đối tượng khác, hộ gia đình, cá nhân, những người đồng thừa kế có nhu cầu được tái định cư thì được Nhà nước bán căn hộ hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Diện tích căn hộ, diện tích đất ở thực hiện theo khoản 2 Điều 10 Quy định này và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND thành phố Huế. Nhà ở tại Khoản này phải được tạo lập trước ngày 05/10/2023.

6. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở, được bồi thường về đất mà đất ở bị thu hồi lớn hơn hạn mức giao đất ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương để xem xét, quyết định giao thêm một phần diện tích đất ở cho người bị thu hồi đất theo nguyên tắc sau:

a) Diện tích thu hồi từ 1,5 (một phẩy năm) đến nhỏ hơn 02 (hai) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì được giao thêm 01 thửa đất tái định cư;

b) Diện tích thu hồi từ 02 (hai) lần đến nhỏ hơn 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương thì được giao thêm 02 (hai) thửa đất tái định cư;

c) Diện tích thu hồi từ 05 (năm) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương trở lên được giao thêm 03 (ba) thửa đất tái định cư;

d) Diện tích giao đất ở tại Khoản này là diện tích của thửa đất thuộc quỹ đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng công trình, dự án nhưng diện tích giao đất của mỗi thửa đất không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

7. Trường hợp người sử dụng đất nông nghiệp có đủ điều kiện bồi thường, sau khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất mà diện tích còn lại được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không đủ điều kiện để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và người bị thu hồi đất đề nghị Nhà nước thu hồi và bồi thường diện tích đất còn lại thì Nhà nước thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật và được thể hiện trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Phần diện tích đất này được quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Đất đai.

8. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị

định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 30% giá đất của thửa đất thu hồi theo Bảng giá đất ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án nhân với hệ số điều chỉnh giá đất.

9. Hỗ trợ thuê nhà tạm cư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND: Khi nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng phải tháo dỡ nhà ở; hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư, di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trong cùng địa bàn cấp xã nơi có đất bị thu hồi, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới tại nơi tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà ở với thời gian hỗ trợ là 06 (sáu) tháng tính từ thời điểm bàn giao đất tái định cư và mức hỗ trợ mỗi tháng được quy định như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân tại các xã: 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

b) Hộ gia đình, cá nhân tại các phường: 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng).

c) Tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất mà hộ gia đình tại điểm này có hơn 04 (bốn) nhân khẩu thì hỗ trợ thêm 500.000 đồng cho mỗi nhân khẩu tăng thêm.”

Điều 4. Sửa đổi khoản 2 Điều 11

“Điều 11. Hỗ trợ thuê nhà; thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định theo khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai

2. Chính sách thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn:

Khi nhà nước thu hồi đất mà người có đất thu hồi (bao gồm những người có đất và tài sản trên thửa đất thu hồi) bị ảnh hưởng phải thực hiện phá dỡ nhà ở, di chuyển toàn bộ chỗ ở và bàn giao mặt bằng trong thời hạn quy định theo tiến độ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được thưởng bằng tiền như sau:

a) Thưởng 22.000.000 đồng đối với trường hợp bàn giao mặt bằng trước ngày quy định trong phạm vi 05 ngày (kể từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 05 theo thời hạn tại Thông báo);

b) Thưởng 15.000.000 đồng đối với trường hợp bàn giao mặt bằng trước ngày quy định trong phạm vi 10 ngày (kể từ ngày thứ 06 đến ngày thứ 15 theo thời hạn tại Thông báo);

c) Thưởng 7.500.000 đồng đối với trường hợp bàn giao mặt bằng trước ngày quy định trong phạm vi 05 ngày (kể từ ngày thứ 16 đến ngày thứ 20 theo thời hạn tại Thông báo).

c) *Thuởng 3.000.000 đồng đối với trường hợp bị ảnh hưởng phải thực hiện phá dỡ một phần nhà ở trong thửa đất thu hồi và bàn giao mặt bằng trong thời hạn tại Thông báo.*”

Điều 5. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11

“Điều 11a. Quy định việc bố trí tạm cư, thời gian và kinh phí tạm cư đối với trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư theo điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15.

1. *Hỗ trợ thuê nhà để thực hiện bố trí tạm cư:*

a) *Thời gian hỗ trợ là 12 (mười hai) tháng.*

b) *Mức hỗ trợ:*

- *Hộ gia đình, cá nhân tại các xã: 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng);*

- *Hộ gia đình, cá nhân tại các phường: 6.000.000 đồng/tháng (sáu triệu đồng).*

- *Tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất mà hộ gia đình tại điểm này có hơn 04 (bốn) nhân khẩu thì hỗ trợ thêm 500.000 đồng cho mỗi nhân khẩu tăng thêm.*

2. *Ngoài việc được hỗ trợ thuê nhà quy định tại khoản 1 Điều này thì hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản 9 Điều 8 của Quy định này.*”

Điều 6. Sửa đổi khoản 3 Điều 14

“Điều 14. Suất tái định cư tối thiểu theo khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai và điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

3. *Suất tái định cư tối thiểu tính bằng tiền bằng với giá trị suất tái định cư tối thiểu tính bằng đất ở tại khoản 1 Điều này hoặc suất tái định cư tối thiểu tính bằng nhà ở tại khoản 2 Điều này. Giá đất ở hoặc giá nhà ở tại khoản này bằng với giá đất ở tái định cư hoặc giá nhà ở để tái định cư thấp nhất của thửa đất thuộc quỹ đất ở, quỹ nhà ở phục vụ giải phóng mặt bằng công trình, dự án.*”

Điều 7. Sửa đổi Điều 17

“Điều 17. Hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và hỗ trợ khác về tài sản.

Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời và hỗ trợ khác về tài sản. Mức hỗ trợ như sau:

1. *Thời điểm tạo lập tài sản theo giấy phép xây dựng có thời hạn thuộc quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 8 Quy định thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường*

theo Quy định hiện hành, ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.

2. Thời điểm tạo lập tài sản theo giấy phép xây dựng có thời hạn thuộc quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 8 Quy định thì được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường theo Quy định hiện hành, ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.

3. Thời điểm tạo lập tài sản theo giấy phép xây dựng có thời hạn thuộc quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 8 Quy định thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo Quy định hiện hành, ngoài ra còn được áp dụng chính sách hỗ trợ khác về tài sản theo quy định tại Quyết định này.”

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

Đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó, có áp dụng các biện pháp, mức hỗ trợ khác theo khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 8;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- HĐND, TT.HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Thuế thành phố Huế;
- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Đài TRT (đăng tin);
- VP: LĐ và CV: NĐ, CT, NN, XD, XDHT, GT;
- Công Thông tin Điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu VT, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh